

Bản án số: 460/2024/HS- PT

Ngày: 14/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Nguyễn Hải Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1430A/2023/TLPT- HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội “Giết người” do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 204/2023/HS- ST ngày 25 tháng 19 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Đỗ Văn Q (tên gọi khác Đỗ Văn H) sinh ngày 07 tháng 5 năm 1976; nơi ĐKKHKT: Thôn TT, xã KT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ 5 ấp TL, xã АД, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị C; có vợ Lê Thị N và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 167/1996/HS- ST ngày 30/5/1996 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” (đến nay, Q chưa nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm là 642.500 đồng).

Nhân thân: - Bản án số 78/1993/HS- ST ngày 06/8/1993, Tòa án nhân dân quận LC xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (đã được xóa);

- Bản án số 71/2001/HS- ST ngày 17/5/2001, Tòa án nhân dân quận NQ xử

phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản là 1.500.000 đồng (đã được xóa);

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 12/5/2023 chuyển tạm giam ngày 16/5/2023; có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Q:** Luật sư Nguyễn Anh V, Luật sư Công ty Luật Hoa Phượng, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng,

* **Bị hại:** Trần Đức B (là em họ của Q), sinh năm 1982, trú tại: Thôn TT, xã KT, huyện TL, thành phố Hải Phòng (đã chết).

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Bùi Thị T (mẹ đẻ của bị hại), sinh năm 1958; trú tại: Thôn TT, xã KT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/06/2006, Đỗ Văn Q đi xe đạp đến nhà anh Trần Đức B (là em họ của Q), sinh năm 1982, trú tại: Thôn TT, xã KT, huyện TL, thành phố Hải Phòng để xin khát nợ tiền mua vôi. Sau khi được vợ của anh B là chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982 nói cho biết anh B đang trông tàu chở vôi, neo đậu tại bến Hàn – Lạch Nước, thì Q đến tàu vôi để gặp anh B. Tại đây giữa Q và anh B xảy ra xô xát, Q lấy 01 con dao, loại dao có lưỡi sắc, đầu nhọn đâm liên tiếp nhiều nhát vào người anh B, trong đó có 01 nhát đâm trúng vào vùng cổ và 01 nhát đâm trúng vào vùng sườn bên phải của anh B, thấu vào bên trong cơ thể. Sau khi gây án Q đạp xe rời khỏi hiện trường, trên đường đi Q gặp chị D và một số người thân, người quen trong xóm thì nói cho họ biết việc Q vừa dùng dao đâm anh B ở tàu vôi. Sau đó, chị D và một số người đi ra chỗ tàu chở vôi neo đậu, thì phát hiện trên sàn tàu có nhiều vết máu, anh B bị thương nặng đang nằm tại khu vực bờ ruộng, cách tàu khoảng 30m, chị D cùng mọi người đưa anh B đi cấp cứu, nhưng anh B đã tử vong trên đường đi. Còn Q đi về nhà thu dọn tư trang, để lại chiếc xe đạp rồi bỏ trốn. Ngày 06/8/2006 vợ của Q là chị Lê Thị N, sinh năm 1978 đã giao nộp chiếc đạp mini đã qua sử dụng của Q sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ án.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, được xác định là Tàu chở chở vôi, đang neo đậu tại bến Hàn – Lạch Nước, cách cầu phao Hàn khoảng 150 mét, tàu có chiều dài 26,2 mét được bố trí thành 04 khoang gồm: 02 khoang chứa hàng phía trước, gần mũi tàu, tiếp đó là khoang lái, giáp khoang lái là khoang sinh hoạt. Hai khoang này có tường làm bằng gỗ. Giữa khoang lái và khoang sinh hoạt không có vách ngăn. Hai bên khoang lái và khoang sinh hoạt đều có 02 cửa thông ra mạn tàu. Trên sàn khoang lái cạnh tường phía mạn phải có đám máu đỏ, loang không rõ hình, kích thước 0,4 x 0,5 mét dạng máu chảy đọng, sát cạnh đám máu

là 01 con dao bằng kim loại màu xanh đen dạng dao phay dài 43,5 cm, phần lưỡi dài 32 cm, bản rộng 7 cm, cán liền lưỡi dài 11,5 cm. Trên mặt lưỡi dao có một vết dạng máu nhỏ giọt. Trên sàn khoang sinh hoạt có nhiều đám máu dạng máu đọng, nhỏ giọt và dấu vết chân dính máu rải rác từ khu vực giáp với khoang lái đến cửa ra phía sau thông ra mạn trái của tàu. Trong đó một số vị trí xuất hiện đám máu có kích thước lớn như: Góc bên phải khu vực tiếp giáp với khoang lái có 01 đám máu đọng kích thước 0,6 x 0,7 mét, phía trên đám máu này, cách 0,78 mét là ban thờ dạng treo, trên bề mặt ban thờ và các đồ vật có nhiều vết dạng máu phun, diện rộng 0,2 mét, cao 0,12 mét; Khoảng giữa khoang sinh hoạt có 01 đám máu chảy đọng kích thước 0,75 x 0,85 mét. Từ đám máu ở giữa khoang ra cửa bên mạn trái tàu có một số vết dạng vết chân dính máu. Tại mạn trái tàu phía ngoài cửa khoang sinh hoạt có 01 đôi dép cũ kiểu dép lê, đế dép có nhiều vết máu nhỏ giọt và máu quệt. Từ vị trí đôi dép xuống phía đuôi tàu có nhiều vết dạng máu đọng và vết máu dính dọc ở khoảng giữa mạn tàu. Mở rộng hiện trường về phía mạn trái tàu thấy: Tại phần bãi đất và đường bờ ruộng lúa dọc theo lạch từ sông đến đê thấy có nhiều vết dạng máu nhỏ giọt và máu quệt, đám vết máu lớn nhất cách tàu khoảng 30 mét, đám này có kích thước 0,55 x 1,3 mét. Tại vị trí này có một quần đùi màu xanh, dính ướt dạng máu đọng. Một số tàu lá chuối cao từ 0,5 đến 0,7 mét tại khu vực này đều có dính vết máu dạng máu quệt. Cách đó khoảng 15m còn có một áo lót ngắn tay màu xanh đen có dính máu. Cơ quan điều tra đã thu giữ một số dấu vết máu tại các khu vực: Sàn gỗ ở giữa khoang sau tàu; trên tàu lá chuối ở bờ ruộng lúa cách tàu khoảng 30 mét; 01 quần đùi màu xanh; 01 áo lót ngắn tay màu xanh đen; 01 con dao kim loại dính máu trên khoang lái; 01 đôi dép lê tại khu vực mạn trái, phía sau tàu (Bút lục 39-42).

Kết quả khám nghiệm tử thi Trần Đức B và Bản kết luận giám định pháp y số 307/PY-06 ngày 16/6/2006 của Tổ chức giám định pháp y Sở Y tế thành phố Hải Phòng kết luận: Nạn nhân có 08 vết thương gây xước, rách thủng da. Trong đó có 06 vết xước, rách thủng da nông ở các vị trí cổ, vai, mặt sau cánh tay phải, mạng mỡ, ngón cái bàn tay trái và vùng mông phải; 01 vết rách thủng da vùng dưới cằm cổ bên phải kích thước 3,4 cm x 6 cm sâu khoảng 12 cm, có hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, làm đứt tĩnh mạch cảnh phải; 01 vết rách thủng da tại vùng sườn phải kích thước 1,3 cm x 3,1cm xuyên thấu vào trong lồng ngực. Các vết thương này đều có đặc điểm do vật sắc nhọn gây nên. Trong đó vết thương vùng cổ phải gây mất máu cấp làm nạn nhân chết (Bút lục 46-47; 67).

Ngày 12/5/2023, Đỗ Văn Q bị bắt tại xã AĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương theo Quyết định truy nã số 60 ngày 11/9/2006 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Văn Q khai nhận: Sau khi Q đặt vấn đề với anh Trần Đức B xin chậm trả tiền mua vôi còn nợ nhưng anh B không đồng ý, hai bên

lời qua tiếng lại cãi chửi nhau nên Q bức tức đã lấy 01 con dao, loại dao nhọn lưỡi sắc dài khoảng 25-30cm, bản rộng 3-4cm ở trên thành tàu, cầm bằng tay phải đâm 01 nhát trúng vào vùng sườn bên phải làm anh B gục quỵ xuống, tiếp đó Q dùng dao đâm nhiều nhát trúng vào cổ và người anh B như nội dung trên. Khi thấy anh B bỏ chạy về phía cuối tàu, thì Q ném dao xuống mương và rời khỏi hiện trường. Sau khi nói cho vợ anh B và một số người khác biết việc Q đã dùng dao đâm anh B ở tàu vôi, Q đi về nhà mình thu dọn tư trang rồi bỏ trốn vào tỉnh Bình Dương làm thuê kiếm sống, không có nơi ở cố định. Đến năm 2010 Q gặp và sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975 tại địa chỉ: Tổ 5, ấp TL, xã AĐ, thị trấn BC, tỉnh Bình Dương, cả hai không đăng ký kết hôn, có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2011(mang họ mẹ). Trong thời gian chung sống với nhau, Q không nói với chị Th về việc bỏ trốn sau khi gây án (bút lục 187-202).

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 204/2023/HS- ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, quyết định: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Đỗ Văn Q** tù chung thân về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2023, bị cáo Đỗ Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Đỗ Văn Q giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt. Bị cáo trình bày: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, do nóng giận và do bị hại tấn công bị cáo trước nên bị cáo chống cự lại, việc bị cáo phạm tội là do vượt quá giới hạn phòng vệ; mức án tù chung thân đối với bị cáo là quá nặng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Văn Q về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo rất quyết liệt, đâm nhiều nhát vào bị hại; sau khi gây án, bị cáo đã bỏ mặc nạn nhân và bỏ trốn, 17 năm sau mới bị bắt theo lệnh truy nã; bị cáo có nhân thân xấu, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo. Do đó, mức án tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xin giảm hình phạt với lý do bị cáo phạm tội do phòng vệ quá giới hạn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Q, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Q.

Luật sư Nguyễn Anh V bào chữa cho bị cáo: Do sau khi vụ án xảy ra, gia đình bị hại không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra chưa xác định được về trách nhiệm bồi thường. Sau khi bà Bùi Thị T về nước đã xác nhận gia đình bị cáo và bà đã thỏa thuận bồi thường xong; chính vợ bị cáo là người đứng ra lo đám ma cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi về nước, mẹ của bị hại đã có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo và tại phiên tòa hôm nay, bà T tiếp tục xin giảm hình phạt cho bị cáo. Sau khi đâm anh B, bị cáo đã phải bơi vào bờ để nhờ người đưa anh B đi cấp cứu chứ không phải bị cáo bỏ mặc nạn nhân như Tòa án cấp sơ thẩm nhận. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong muốn được giảm án để có cơ hội trở về chăm sóc mẹ của bị hại. Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm án cho bị cáo xuống mức án tù có thời hạn.

Bị cáo Q: Nhất trí với lời bào chữa của luật sư V.

Bà Bùi Thị T: Sau khi về nước, khi biết Q đã bị xử tù chung thân, tôi đã có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo Q vì dù sao, Q cũng là cháu ruột của tôi, con tôi thì cũng đã mất rồi. Về dân sự tôi không có yêu cầu gì, chỉ mong Hội đồng xét xử giảm án cho Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên - Cơ quan cảnh sát Điều tra và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Kháng cáo của bị cáo hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai người làm chứng, tang vật thu giữ của vụ án, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 07/6/2006, trên chiếc tàu chở vôi đang neo đậu tại khu vực Bến Hàn – Lạch Nước thuộc địa bàn thôn TT, xã KT, huyện TL, thành phố Hải Phòng, Đỗ Văn Q gặp anh Trần Đức B để xin khát nợ tiền thanh toán mua vôi và đề nghị được tiếp tục mua vôi của anh B. Trong lúc nói chuyện, giữa hai bên xảy ra lời qua tiếng lại, đánh cãi, chửi nhau. Q đã dùng con dao trên tàu (dạng dao nhọn, một lưỡi sắc) đâm liên tiếp nhiều nhát vào người anh B, trong đó có 01 nhát

đâm vào trũng vùng sườn bên phải, thấu vào trong lồng ngực và 01 vết trũng vùng cổ, làm đứt tĩnh mạch. Hậu quả làm cho anh Trần Đức B tử vong.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai do bị anh B tấn công trước nên bị cáo mới đánh lại, hành vi của bị cáo chỉ là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Hội đồng xét xử thấy: Với những thương tích trên cơ thể, nguyên nhân dẫn đến tử vong của anh B, lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là không có căn cứ chấp nhận.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã ba lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, trong đó có hai bản án đã được xóa án tích, một bản án bị cáo chưa thi hành xong phần án phí nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên; đồng thời xem xét đến việc sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, bỏ mặc trách nhiệm của bị cáo với người bị hại và gia đình bị hại, 17 năm sau mới bị bắt theo lệnh truy nã, bị cáo có nhân thân xấu nên xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ gì mới để làm căn cứ xin giảm hình phạt; bà Bùi Thị T là mẹ đẻ của bị hại Trần Đức B xin giảm hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo là cháu ruột của bà. Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù bà T có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo nhưng căn cứ nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như phân tích ở trên thì mức án tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để giảm án cho bị cáo. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Về áp dụng pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, xem xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nhưng tại phần quyết định của bản án không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là thiếu sót, cần rút

kinh nghiệm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Văn Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q, giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 204/2024/HS- ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Đỗ Văn Q, cụ thể:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Đỗ Văn Q** tù chung thân về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/5/2023.

2. Án phí: Bị cáo Đỗ Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng;
- Trại TG CA TP. Hải Phòng;
- Bị cáo (qua Trại);
- Đại diện BH (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo